

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 10-6-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thụ lý số 249/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ông Ng. M. Đ

Sinh năm: 1967

Địa chỉ: 09 Đường N Phường M thành phố T tỉnh L.

- Các bị đơn:

Ông Tr. M. L

Sinh năm: 1986

Bà V. Th. C. H

Sinh năm : 1988

Cùng địa chỉ: 8/10A Đường L khu phố N Phường N thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Ông Ng. M. Đ trình bày: Ông đã cho ông L và bà H vay tiền, cụ thể:

Ngày 24 tháng 4 năm 2021: 11.500.000 đồng

Ngày 01 tháng 5 năm 2021: 23.000.000 đồng

Ngày 03 tháng 5 năm 2021: 22.600.000 đồng

Ngày 10 tháng 5 năm 2021: 18.000.000 đồng

Hợp đồng vay có kỳ hạn là một tháng. Các lần vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3% tháng. Đến hạn, ông L và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông khởi kiện, yêu cầu ông L và bà H trả cho ông tiền nợ gốc là 75.100.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H không còn cư trú tại địa phương. Đã hết thời hạn theo thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng các bị đơn không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa ông Ông Ng. M. Đ với ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H đã xác lập hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình thực hiện giao dịch, do ông L và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên ông Ông Ng. M. Đ khởi kiện. Theo quy định tại Điều 26, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Theo kết quả xác minh của Công an Phường N thành phố T tỉnh L: ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H có hộ khẩu thường trú tại 8/10A Đường L khu phố N Phường N thành phố T tỉnh L nhưng hiện tại, ông L và bà H không thường xuyên sinh sống tại địa phương và không rõ nơi cư trú. Tòa án nhân dân thành phố T đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hết thời hạn thông báo, nhưng các bị đơn vẫn không tham gia tố tụng. Do đó, ngày 04 tháng 5 năm 2022, Tòa án đã lập Biên bản về không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa sơ thẩm vào ngày 23 tháng 5 năm 2022 nhưng các bị đơn không tham gia tố tụng và tại phiên tòa ngày 10 tháng 6 năm 2022, các bị đơn vắng mặt. Đồng thời, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét

xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H không tham gia tố tụng. Tuy nhiên, căn cứ vào các văn bản “biên nhận” viết tay, vào các ngày 24 tháng 4 năm 2021, ngày 01 tháng 5 năm 2021, ngày 03 tháng 5 năm 2021 và ngày 10 tháng 5 năm 2021, có cơ sở để xác định giữa ông Ông Ng. M. Đ với ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H có xác lập hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay được xác lập giữa các bên là hợp đồng vay không lãi và có kỳ hạn.

[4] Ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H đã vay của ông Ông Ng. M. Đ tổng cộng là 75.100.000 đồng. Đã đến hạn trả nợ nhưng ông L và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, việc ông Ông Ng. M. Đ khởi kiện, yêu cầu ông L và bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 và 470 Bộ luật dân sự. Ông Ông Ng. M. Đ không yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên ông L và bà H chỉ phải trả số tiền nợ gốc là 75.100.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: $75.100.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.755.000 \text{ đồng}$. Ông Ông Ng. M. Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do ông Ông Ng. M. Đ chịu: 3.300.000 đồng (đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357 Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 272 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Ng. M. Đ

Buộc ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H phải trả cho ông Ông Ng. M. Đ 75.100.000 (bảy mươi lăm triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

Về án phí: ông Tr. M. L và bà V. Th. C. H phải chịu án phí sơ thẩm là 3.755.000 đồng. Ông Ông Ng. M. Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Ông Ng. M. Đ 1.877.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001231 ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001405 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tĩnh L).

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do ông Ông Ng. M. Đ chịu: 3.300.000 đồng (đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn Ông Ng. M. Đ, các bị đơn Tr. M. L và V. Th. C. H vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo